

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦU KÈ  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HS-ST  
Ngày: 16 - 9 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Yến Nhi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Thành Tiết

Ông Nguyễn Văn Xem

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lâm Thành Tú, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoài Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2021 và thông báo về việc xét xử số 69/TB – TA, ngày 16/8/2021; Thông báo về việc xét xử số 72/TB- TA, ngày 31/8/2021 đối với bị cáo:

Thạch T (có tên gọi khác Cà Rá), sinh năm 1991; tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thạch M và bà Thạch Thị S; không vợ, không con; tiền sự: Ngày 06/7/2018 bị Tòa án nhân dân Quận Y, Thành Phố M áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 15 tháng (đã chấp hành xong ngày 22/7/2019); Ngày 11/01/2021 bị Ủy ban nhân dân xã P, huyện C ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với thời gian 03 tháng (Bị cáo chưa chấp hành xong); tiền án: Không có; nhân thân: xấu; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/4/2021 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

*Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Thạch Thị Quát H – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

*Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1990 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp R, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Người làm chứng:*

Ông Lê Hoàng V, sinh năm 1979 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ông Đặng Vũ L, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ông Lê Thành N, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm D, phường K, thành phố N, tỉnh Trà Vinh.

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp R, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Người phiên dịch cho bị cáo Thạch T:* Ông Thạch A – Nguyên Phó Chủ tịch hội Luật gia huyện Cầu Kè. (Có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 10/3/2021, bị cáo Thạch T đi bộ từ nhà đến đường huyện 8 khu vực thuộc Ấp R, xã P, huyện C để tìm dừa hái uống nước. Trên đường đi bị cáo phát hiện nhà của bà Nguyễn Thị Kim X không có khóa cửa rào và bà X đang giữ hai con còn nhỏ. Bị cáo đi xuống khu vực đất vườn cạnh nhà bà X để hái đu đủ ăn nhưng đu đủ chưa chín, bị cáo không hái được nên đi ngược trở lên đường lộ. Lúc này, bị cáo phát hiện nhà bà X không có ai trông coi tài sản nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền phục vụ nhu cầu cá nhân. Bị cáo đi vào bên trong nhà sau của bà X, bị cáo nhìn thấy có một bé nhỏ đang ngủ trên võng và một cái giường ngủ, trên giường có một cái rổ nhựa màu xanh, bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 5, màu bạc nên bị cáo lấy và bỏ vào túi quần. Sau đó, bị cáo tiếp tục đi lên phía nhà trước vì nhà trước và nhà sau có một cái cửa để đi lại, bị cáo đi vào phòng ngủ của gia đình bà X, phát hiện trong tủ quần áo có treo cái áo khoát màu xanh trong túi của áo khoát có 02 hộp màu đỏ, loại hộp đựng nữ trang nên bị cáo lấy bỏ vào túi quần. Sau khi lấy trộm được tài sản, bị cáo đi đến khu vực vườn dừa của ông Huỳnh Văn Y, sinh năm 1939, cư trú Ấp R, xã P, huyện C để kiểm tra những tài sản đã lấy trộm được thì thấy trong hộp màu đỏ thứ nhất có 01 sợi dây chuyền, hộp màu đỏ thứ hai có 07

chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng. Bị cáo bỏ sợi dây chuyền và vòng đeo tay vào túi quần, còn hai hộp đựng nữ trang bị cáo ném bỏ lại tại vườn dừa. Lúc này, điện thoại di động mà bị cáo lấy trộm có cuộc gọi đến, do không biết mật khẩu bị cáo không tắt nguồn điện thoại được, nên dùng cây nhọn tháo (chọt) lấy sim điện thoại ra để ngắt liên lạc. Sau đó, bị cáo đến nhà của ông Lê Hoàng V để hỏi cách phân biệt vàng thật, giả và được ông V cho biết dùng lửa đốt sẽ phân biệt được. Nghe vậy, bị cáo đi ra nhà sau của ông V dùng bếp gas đốt thì phát hiện sợi dây chuyền và vòng đeo tay mà bị cáo trộm chuyển sang màu đen, biết là vàng giả nên bị cáo ném bỏ xuống sông gần nhà ông V. Sau đó, bị cáo tiếp tục đi đến cửa hàng điện thoại di động VŨ LINH do ông Đặng Vũ L làm chủ để bán điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 5. Ông L yêu cầu bị cáo mở mật khẩu của điện thoại để kiểm tra, nếu mở được mật khẩu thì mới mua điện thoại, bị cáo bấm ngẫu nhiên “000000” thì mở được mật khẩu nên ông L đồng ý mua với giá 2.000.000 đồng. Được số tiền trên, bị cáo đi đến gặp P và S cư trú cùng ấp (bị cáo không biết rõ họ và chữ lót) đưa số tiền 500.000 đồng nhờ P và S mua ma túy để sử dụng chung. P và S mua ma túy ở đâu bị cáo không biết, khi có được ma túy thì bị cáo, P và S đã sử dụng hết số ma túy mà bị cáo đã đưa tiền mua. Còn lại số tiền 1.500.000 đồng bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với ông Đặng Vũ L là người mua điện thoại của bị cáo. Ông L không biết điện thoại do bị cáo trộm cắp mà có được, vì thấy bị cáo mở được mật khẩu điện thoại, nghĩ là điện thoại của bị cáo. Sau đó, ông L bán lại cho ông Lê Thành N với giá 5.000.000 đồng, ông N kinh doanh điện thoại nên đã bán lại cho một người đàn ông không biết rõ họ tên với giá 5.300.000 đồng. Do không biết rõ họ tên, địa chỉ của người đã mua điện thoại nên không thu hồi được. Đối với P và S mà bị cáo khai, qua xác minh hiện không có mặt ở địa phương, đi đâu làm gì Chính quyền địa phương không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè chưa thể tiến hành làm việc được.

Đối với bà Nguyễn Thị Kim X trình bày lúc bị mất trộm tài sản thì bà đang tắm cho con tên Trương Nguyễn Đăng K, sinh năm 2016. Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 5, màu bạc bà mua vào tháng 3/2021 với giá 7.571.000 đồng, còn 01 sợi dây chuyền và 07 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng là vàng giả, bà mua với giá 150.000 đồng. Đối với tài sản bị mất trộm bà X chỉ yêu cầu bồi thường đối với 01 điện thoại di động, còn số vàng giả bà không yêu cầu bồi thường.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG, ngày 22/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cầu Kè kết luận điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 5, màu bạc, số IMEI 1: 865545056353616, số IMEI 2: 865545056353608 tại thời điểm bị mất trộm có giá là 6.813.900 đồng.

Đối với 02 hộp màu đỏ, loại hộp đựng trang sức và 01 sợi dây chuyền; 07 chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng. Cơ quan điều tra đã tổ chức tìm kiếm nhưng không tìm gặp được.

Vật chứng vụ án: 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G có số thuê bao 0974908497 mà bị cáo Thạch T đã tháo ra khỏi điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 5, màu bạc sau khi trộm cắp.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKS-HS ngày 24/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Thạch T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội bị cáo thực hiện đúng với cáo trạng truy tố bị cáo. Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, vào khoảng 13 giờ ngày 10/3/2021 tại nhà của bà X, lợi dụng lúc bà X sơ hở nên bị cáo lén lút lấy trộm được 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 5, màu bạc và số vàng giả là 01 sợi dây chuyền; 07 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng.

Bị hại Nguyễn Thị Kim X yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại giá trị điện thoại OPPO RENO5 với số tiền là 6.813.900 đồng, đối với 01 sợi dây chuyền; 07 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng là vàng giả bà không yêu cầu bị cáo bồi thường và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo T đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 6.813.900 đồng theo yêu cầu của bị hại.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh:* Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Thạch T từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 6.813.900 đồng. Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

*Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo:* Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh đã truy tố và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên việc tìm hiểu pháp luật còn hạn chế, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên. Về trách

nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 6.813.900 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo T: Bị cáo ăn năn hối cải mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi của bị cáo Thạch T: Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè đã truy tố cũng như lời luận tội của vị Kiểm sát viên. Lời khai này của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Khoảng 13 giờ ngày 10/3/2021, tại nhà của bị hại bà Nguyễn Thị Kim X thuộc Ấp R, xã P, huyện C, lợi dụng lúc bị hại sơ hở nên bị cáo lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 5, màu bạc và số vàng giả là 01 sợi dây chuyền; 07 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng. Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật hình sự về tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, Cáo trạng số 34/CT-VKS-HS ngày 24/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Thạch T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp với hành vi của bị cáo thực hiện và đúng quy định của pháp luật về tội danh và khung hình phạt.

[2] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ sự tham lam, muốn có tiền tiêu xài mà không muốn lao động. Với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, cần phải xử lý nghiêm minh, cách ly ra xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét đến những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s

khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với ông Nguyễn Văn Vũ, khi bị cáo đến nhà để hỏi cách phân biệt vàng thật, giả do không biết số vàng bị cáo có nguồn gốc từ đâu nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Đối với ông Nguyễn Vũ L, ông Lê Thành N giao dịch mua bán điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 5, màu bạc nhưng không biết có nguồn gốc từ hành vi phạm tội mà có nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị điện thoại OPPO RENO5 với số tiền 6.813.900 đồng, đối với số vàng giả là 01 sợi dây chuyền và 07 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 6.813.900 đồng. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Thạch T và bị hại Nguyễn Thị Kim X. Buộc bị cáo Thạch T bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Kim X số tiền 6.813.900 đồng.

[5] Về vật chứng: 01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G có số thuê bao 0974908497 mà bị cáo Thạch T đã tháo ra khỏi điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO 5, màu bạc sau khi trộm cắp, cơ quan Điều tra đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim X là đúng quy định pháp luật.

[6] Xét bản luận tội của vị Kiểm sát viên kết luận bị cáo Thạch T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật; mức hình phạt mà vị Kiểm sát viên đề nghị là tương xứng với tính chất vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử. Xét thấy, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng; hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối nên các quyết định và hành vi trên đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với án phí dân sự sơ thẩm do bị cáo T là người dân tộc thiểu số, có sổ hộ cận nghèo và bị cáo cư trú tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên bị cáo được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Thạch T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Thạch T 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 07/04/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 13, khoản 1 Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Thạch T và bị hại Nguyễn Thị Kim X. Buộc bị cáo Thạch T bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Thị Kim X số tiền 6.813.900 đồng (*Sáu triệu tám trăm mười ba nghìn chín trăm đồng*).

Đối với 01 sợi dây chuyền và 07 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

01 (một) sim điện thoại di động Viettel 4G có số thuê bao 0974908497 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè đã trả cho bị hại Nguyễn Thị Kim X là đúng quy định pháp luật.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Thạch T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo Thạch T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Công an huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Yến Nhi**



**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thành Tiết**

**Nguyễn Văn Xem**

**Phạm Thị Yến Nhi**

